

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 145/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1962.

2. Ông Nguyễn Tiến T - Sinh năm: 1960.

Cùng địa chỉ: Phố L, phường T, TP H, tỉnh H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 3 năm 2022, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tiến T kết hôn năm 1988, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh H (nay là UBND phường T, thành phố H). Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, thì đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác, nên dẫn đến vợ chồng không quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Nay ông, bà đều xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tiến T.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tiến T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến A sinh ngày 27/12/1988 và cháu Nguyễn Thùy Trang A sinh ngày 23/7/1992. Hiện nay các cháu đã thành niên và có gia đình ổn định, nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Bà T và ông T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Hai bên thỏa thuận, bà T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tiến T.

- *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tiến T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến A sinh ngày 27/12/1988 và cháu Nguyễn Thùy Trang A sinh ngày 23/7/1992. Hiện nay các cháu đã thành niên và có gia đình ổn định, nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tiến T không yêu cầu tòa án giải quyết.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0001673 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H (bà T đã nộp đủ lệ phí).

*Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7B và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- UBND phường T, TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

### **THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Thị Lan Anh**

